

Số: 60/2025/QĐST-HNGĐ

TP. Yên Bái, ngày 16 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 22/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Vũ Xuân H - sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

- *Bị đơn*: Chị Đỗ Thanh N - sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ C, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ngân hàng N2 – Chi nhánh B – Phòng G1; địa chỉ: Số A, đường H, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Đại diện tham gia tố tụng: Bà Hoàng Thùy V – Giám đốc Phòng G1.

+ Ông Nguyễn Chí D, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn N, xã A, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

+ Ông Hà Minh Đ, sinh năm 1988; địa chỉ: phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

+ Ông Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn X, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

+ Ông Lương Xuân H2, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn M, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

+ Ông Nguyễn Đức G, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn X, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 33, Điều 55, Điều 57, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Căn cứ điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên

bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Vũ Xuân H và chị Đỗ Thanh N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nuôi con: Giao cho anh Vũ Xuân H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vũ Ngọc K, sinh ngày 03 tháng 6 năm 2020; giao cho chị Đỗ Thanh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vũ Ngọc An N1, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2017 cho đến khi cháu K, cháu N1 đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi. Anh Vũ Xuân H cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Ngọc An N1 số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/01 tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 4 năm 2025, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi. Chị Đỗ Thanh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày chị Đỗ Thanh N có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh Vũ Xuân H chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 điều 468 của Bộ Luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Anh Vũ Xuân H, chị Đỗ Thanh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung: Anh Vũ Xuân H và chị Đỗ Thanh N cùng thống nhất xác định tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là: Một ngôi nhà xây hai tầng, 01 tum, tường 20 chịu lực, có đầy đủ điện nước, vệ sinh khép kín; diện tích sử dụng là 170m² địa chỉ tại: Thôn X, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 598407, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 00028 do Ủy ban nhân dân thành phố Y cấp ngày 03 tháng 3 năm 2010. Trị giá tài sản chung là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

- Về phân chia tài sản chung, nợ chung: Anh Vũ Xuân H trực tiếp sở hữu, sử dụng, quản lý toàn bộ tài sản là: Một ngôi nhà xây hai tầng, 01 tum tường 20 chịu lực, có đầy đủ điện nước, vệ sinh khép kín; diện tích sử dụng là 170m² địa chỉ tại: Thôn X, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 598407,

vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 00028 do Ủy ban nhân dân thành phố Y cấp ngày 03 tháng 3 năm 2010.

Anh Vũ Xuân H có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi phát sinh đối với khoản vay tại Ngân hàng N2 - Chi nhánh B số tiền là 430.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 74/2023/HĐTD/P3-455 ngày 16 tháng 8 năm 2023.

Anh Vũ Xuân H phải trả toàn bộ số tiền nợ xây dựng gồm:

+ Trả cho ông Lương Xuân H2 số tiền nợ sơn nhà: 33.800.000 đồng (Ba mươi ba triệu tám trăm ngàn đồng);

+ Trả cho ông Hà Minh Đ tiền nợ làm cầu thang: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng);

+ Trả cho ông Nguyễn Đức G tiền nợ lợp mái tôn: 43.000.000 đồng (Bốn mươi ba triệu đồng);

+ Trả cho ông Nguyễn Chí D tiền nợ làm nhôm kính: 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng);

+ Trả cho ông Nguyễn Ngọc H1 tiền nợ đá lát cầu thang và bếp: 32.600.000 đồng (Ba mươi hai triệu sáu trăm ngàn đồng);

Tổng các khoản nợ anh Vũ Xuân H phải trả là: 641.400.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi một triệu bốn trăm ngàn đồng).

Anh Vũ Xuân H trả tiền chênh lệch khi chia tài sản chung cho chị Đỗ Thanh N là: 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

3. Về án phí:

Anh Vũ Xuân H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng). Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) anh H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2024/0001556 ngày 04 tháng 02 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái. Anh H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn và cấp dưỡng nuôi con.

Anh Vũ Xuân H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản khi ly hôn là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng). Được khấu trừ vào số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) anh H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2024/0001616 ngày 06 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái. Anh H còn phải nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền án phí chia tài sản.

Chị Đỗ Thanh N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản khi ly hôn là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Chị N chưa nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND thành phố Yên Bái;
- THADS thành phố Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND p. Nguyễn Thái Học, tp Yên Bái;
- Lưu HS, TA, KT.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Bùi Quang Trung